

Số: 78/2019/HNGĐ - ST  
Ngày: 06/9/2019  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lý

Bà Nguyễn Thị Tĩnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:* bà Lê Ánh Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình, thụ lý số 350/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST –HNGĐ ngày 15/8/2019, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phúc G Sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: L, xã V, thành phố Nha Trang.

\* *Bị đơn:* Ông Đinh Hồng S, Sinh năm 1986

Địa chỉ: L, xã V, thành phố Nha Trang. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa - nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phúc G trình bày:*

Bà và ông Đinh Hồng S tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào năm 2007. Trong thời gian chung sống bà và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau vì ông S có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, thường xuyên rượt chèo và cờ bạc không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Hiện nay ông bà đã sống ly thân với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà G và ông S có 02 con chung là cháu Đinh Nhật T (sinh ngày 30/6/2006) và cháu Đinh Nhật P, (sinh ngày 26/7/2011). Sau sau khi ly hôn

bà G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu T và cháu P, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Tại bản tự khai ngày 26/6/2019, biên bản hòa giải, bị đơn ông Đinh Hồng S trình bày:*

Ông và bà G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà G. Quá trình chung sống, ông S thừa nhận giữa ông và bà G có xảy ra mâu thuẫn, thỉnh thoảng ông có đi nhậu và chơi đánh bài cho vui cùng bạn bè. Về vấn đề ngoại tình bà G nghi ngờ chứ ông không có ngoại tình vì ông còn thương yêu vợ và con. Sau khi vợ chồng cãi vã bà Giang đã đưa con về bố mẹ sống được 2 tháng nay. Trong thời gian sống ly thân ông S cũng đã nhiều lần ra năn nỉ mong bà G tha thứ nhưng bà G cương quyết không chịu. Nay bà G xin ly hôn ý kiến ông không đồng ý vì ông đang còn tình cảm với vợ và không muốn 2 con sống không có bố mẹ ở cùng.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Đinh Nhật T (sinh ngày 30/6/2006) và cháu Đinh Nhật P, (sinh ngày 26/7/2011). Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn tôi đồng ý và tự nguyện giao 02 con chung cháu Đinh Nhật T và cháu Đinh Nhật P cho bà G nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu quan điểm: Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong việc giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét một cách toàn diện, công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/UBTVQH12 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Phúc G được ly hôn với ông Đinh Hồng S.

- Về con chung: Giao hai con chung cho bà Nguyễn Thị Phúc G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi chung cho ông S do bà G không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: giải quyết theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đinh Hồng S đã được triệu tập lần thứ hai hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đinh Hồng S.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Năm 2007, bà Nguyễn Thị Phúc G và ông Đinh Hồng S tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, Nha Trang, Khánh Hòa (Giấy CNKH số 01/2007, quyển số 01/2006, ngày 05/01/2007) nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các biên bản hòa giải bà G và ông S đều thừa nhận giữa bà, ông đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã do ông S thường xuyên rượu chè, cờ bạc không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Bà G cho rằng ngoài những mâu thuẫn trên thì ông Sơn còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác (bà không có chứng cứ chứng minh) nên bà muốn được ly hôn với ông S. Ý kiến ông S thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên về vấn đề ngoại tình mà bà G trình bày là không đúng vì ông còn thương yêu vợ con và không có người phụ nữ nào khác. Nay bà G yêu cầu ly hôn ông không đồng ý nhưng ông S cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn gia đình.

Xét thấy: Về vấn đề ông S có quan hệ ngoại tình, quá trình giải quyết vụ án bà G không cung cấp được tài liệu và chứng cứ chứng minh cho việc ông S có quan hệ ngoại tình nên không có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, Trong quá trình chung sống bà G và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn là có thật. Ông S thường xuyên rượu chè và cờ bạc không quan tâm đến cuộc sống gia đình là nguyên nhân khiến cho cuộc sống hôn nhân vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã và không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà G, ông S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà G là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Phúc G và ông Đinh Hồng S có 02 con chung là cháu Đinh Nhật T, sinh ngày 30/6/2006 và cháu Đinh Nhật P, sinh ngày 26/7/2011. Hiện nay cháu T và cháu P đang còn sống chung cùng với bà G. Sau khi ly hôn ông S đồng ý giao 02 con chung là cháu T và cháu P cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà G không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Xét: Đây là ý chí tự nguyện của các bên và phù hợp pháp luật nên giao con chung cháu Đinh Nhật T và cháu Đinh Nhật P cho bà G nuôi dưỡng là có cơ sở.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Phúc G và ông Đinh Hồng S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Phúc G phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*. Bà Nguyễn Thị Phúc G được ly hôn với ông Đinh Hồng S.

2. *Về con chung*: Giao con chung là cháu Đinh Nhật T, sinh ngày 30/6/2006 và cháu Đinh Nhật P, sinh ngày 26/7/2011 cho bà Nguyễn Thị Phúc G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông Sơn do bà G không yêu cầu. Ông Đinh Hồng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Phúc G và ông Đinh Hồng S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Phúc G phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014674 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà G đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA.DS TP.Nha Trang;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã V, Tp. Nha Trang,  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2007,  
quyển số 01/2007, ngày 05/01/2007)
- Lưu án văn, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Thị Hồng Minh**